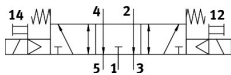
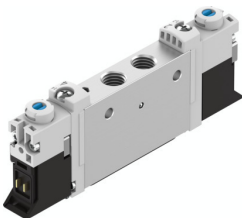


# **Van điện từ** **VUVG-L10-P53E-T-M7-1P3** Số bộ phận: 566477



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                              |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 được thông khí                   |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                 |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 300 l/ph...320 l/ph                  |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | M7                                   |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                               |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar   |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                 |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                         |
| Giấy phép                                                  | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL) |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP40<br>IP65<br>có ổ cắm             |
| Chiều rộng định mức                                        | 3.5 mm                               |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                     |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                  |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                               |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét<br>bị che               |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                |
| Xếp chồng                                                  | xếp chồng không xác định             |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar   |
| Phù hợp với chân không                                     | không                                |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 30 ms                                |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 11 ms                                |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 14 ms                                |
| Thời gian bật                                              | 100%                                 |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 700 μs                               |

| Đặc tính                                   | Giá trị                                                                              |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu   | 900 $\mu$ s                                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                 | 24 V DC: 1,0 W<br>24 V DC: Pha dòng điện thấp ,3 W, pha dòng điện cao 1,0 W          |
| Dao động điện áp cho phép                  | +/- 10 %                                                                             |
| Môi chất vận hành                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                        | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| Giới hạn nhiệt độ môi trường và môi trường | -5 - 50 °C<br>mà không giảm dòng điện hãm                                            |
| chống sốc                                  | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Loại phòng sạch                            | Loại 5 theo ISO 14644-1                                                              |
| Nhiệt độ trung bình                        | -5 °C...60 °C                                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh             | -5 °C...60 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                       | 55 g                                                                                 |
| Cổng nối điện                              | thông qua tấm kết nối điện                                                           |
| Kiểu gấn                                   | Trên ray gấn van cụm<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý:                                       |
| Cổng nối khí nén 1                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 2                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 3                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 4                         | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 5                         | M7                                                                                   |
| Ghi chú vật liệu                           | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                          | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                                | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |